TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **216**/2022/DS-ST
Ngày: 14/9/2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Trần Văn Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Tâm

2/ Bà Võ Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Cà Thị Lan- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Dũ, Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 74/2022/ TLST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hụi". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 196/2022/QĐXXST- DS ngày 29 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Đ, sinh năm xxxx

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Văn D, sinh năm xxxx (Giấy ủy quyền số chứng thực 000914 ngày 11/3/2022), có mặt

Địa chỉ: Khu phố A, phường B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn:

Chị Trần Thị Kim L (Trần Thị Cẩm T), sinh năm xxxx, có mặt

Anh Huỳnh Văn M, sinh năm xxxx, vắng mặt

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện G, tỉnh Tiền giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 3 năm 2022 và trong quá trình xét xử, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn văn D trình bày: Vào khoảng thời gian từ năm 2018 đến năm 2020 anh M và chị L có tham chơi 07 dây hụi do chị Đ làm thảo hụi, sau khi hốt hụi chị L, anh M góp hụi không đầy đủ như thỏa thuận nên còn nợ số tiền hụi là 325.000.000 đồng. Trong năm 2018 và 2019 anh M và chị L có vay của chị Đ số tiền 205.000.000 đồng để kinh doanh mua bán cá cho gia đình. Đến tháng 5/2021 chị Đ và chị L chốt số tiền nợ hụi và tiền vay tổng cộng là 530.000.000 đồng. Chị L viết giấy nợ "tôi tên Trần Thị Cẩm T có nợ chị Đ số tiền năm trăm ba chục triệu". Chị L và anh M xin chị Đ cho trả dần, vì thân quen nên chị Đ tin tưởng. Nhưng từ đó đến nay chị L và anh M không trả tiền cho chị Đ, mặc dù chị Đ nhiều lần điện thoại, đến gặp trực tiếp đòi tiền nợ. Chị Đ yêu cầu chị L và anh M liên đới trả chị Đ số tiền nợ là 530.000.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ tháng 6/2021 đến tháng 9/2022 là 15 tháng, mức lãi suất 1,66%/tháng là 131.970.000 đồng. Tổng cộng tiền vốn và lãi chị L và anh M phải trả chị Đ là 661.970.000 đồng. Chị Đ yêu cầu trả tiền 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* Quá trình xét xử bị đơn chị Trần Thị Kim L Trình bày: Trong thời gian chung sống với anh M, chị L có tham gia 07 dây hụi do bà Đ làm thảo và có vay tiền của bà Đ nhiều lần để làm vốn mua bán cá và nuôi tôm. Do nuôi tôm và mua bán bị lỗ nên không có tiền trả bà Đ, nhưng có trả tiền lãi vay, không xác định cụ thể số tiền lãi đã trả, không có chứng cứ trả tiền lãi. Đến tháng 5/2021 chị L và bà Đ thống nhất số tiền hụi và tiền vay còn nợ tổng cộng là 530.000.000 đồng, chị L có viết giấy nợ với nội dung như trình bày trên. Từ ngày viết giấy nợ đến nay chị L, anh M không trả khoản tiền nào cho bà Đ. Chị L đồng ý trả số tiền 530.000.000 đồng cho bà Đ. Do hoàn cảnh khó khăn nên chị L yêu cầu thực hiện trả tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết số tiền nợ, yêu cầu không tính lãi.

* Quá trình giải quyết vụ án anh Huỳnh Văn M vắng mặt không có lời trình bày.

* Ý kiến của Viện kiểm sát: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466, 417 Bộ luật dân sự, Điều 16, 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính

phủ về họ, hụi, biêu, phường, xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Đ. Buộc anh Huỳnh Văn M và chị Trần Thị Kim L có nghĩa vụ liên đới trả bà Đ số tiền vay, hụi và tiền lãi 15 tháng còn nợ tổng cộng là 661.970.000 đồng (Trong đó tiền vay và tiền hụi là 530.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả là 131.970.000 đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, việc nộp đơn khởi kiện, thụ lý đơn và thẩm quyền giải quyết của Tòa án đúng quy định; Việc thu thập tài liệu chứng cứ; Thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Huỳnh Văn M được Tòa án triệu tập hợp lệ phiên tòa lần thứ hai vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh M.

[2] Xét yêu cầu của bà Phạm Thị Đ, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hụi theo quy định Điều 463, 471 Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa bà Đ và chị L thống nhất số tiền hụi và tiền vay còn nợ tổng cộng 530.000.000 đồng, chị L đồng ý trả số tiền 530.000.000 đồng cho bà Đ, phù hợp Điều 466 Bộ luật dân sự, Điều 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường, nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Bà Đ yêu cầu anh M liên đới nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ chấp nhận theo quy định Điều 288 Bộ luật dân sự. Bỡi lẽ trong thời kỳ hôn nhân chị L và anh M cùng sử dụng số tiền vay và tiền hụi để nuôi tôm, kinh doanh mua bán chung gia đình, nên anh M phải cùng có nghĩa vụ trả nợ với chị L.

Về lãi: Trên giấy nợ ghi số tiền 530.000.000 đồng có thể hiện số tiền hụi năm 2018-2019 và tiền mượn, phù hợp lời trình bày tại phiên tòa của bà Đ và chị L. Bà Đ và chị L thống nhất thời gian viết giấy nợ trong tháng 5/2021. Từ đó đến nay chị L và anh M không trả khoản tiền nào cho bà Đ. Theo quy định Điều 357 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu tính lãi của bà Đ.

Về thời gian trả tiền: Chị L yêu cầu trả dần số tiền 2.000.000đồng/tháng là không có căn cứ để chấp nhận. Bỡi lẽ trong quan hệ vay và góp hụi chị L và anh M đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận, nên không thể kéo dài thời gian trả tiền thiệt thòi quyền lợi hợp pháp của bà Đ. Nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Đ về thời gian thực hiện trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

Đề nghị của Viện kiểm sát có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Yêu cầu của bà Đ được chấp nhận toàn bộ, nên chị L và anh M phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Chị L có đơn xin miễm, giảm án phí do hoàn cảnh khó khăn, có xác nhận của UBND xã nơi cư trú, nên được giảm 50% án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định khoản 1 Điều 13, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 471, 357, 468, 288 Bộ luật dân sự, Điều 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 13, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Đ.

Buộc chị Trần Thị Kim L và anh Huỳnh Văn M có nghĩa vụ liên đới trả bà Phạm Thị Đ tổng cộng số tiền 661.970.000 *(Sáu trăm sáu mươi mốt triệu chín trăm bảy mươi ngìn)* đồng (Gồm tiền vay và tiền hụi là 530.000.000 đồng, tiền lãi 131.970.000 đồng) khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của bà Phạm Thị Đ cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng chị Trần Thị Kim L và anh Huỳnh Văn M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Án phí sơ thẩm: Miễn 50% án phí dân sự sơ thẩm cho chị Trần Thị Kim L và anh Huỳnh Văn M. Chị Trần Thị Kim L và anh Huỳnh Văn M phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 15.239.000 đồng. Bà Phạm Thị Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền 14.359.500 đồng, theo biên lai thu số 0007760 ngày 19/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện GCĐ;
- Chi cục THADS huyện GCĐ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Dũng